

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LANG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12 /2007/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 15 tháng 03 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch
trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí, Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài; Nghị định số 69/2006/NĐ-CP ngày 21/7/2006 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 68/2002/NĐ-CP;

Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2006/NQ-HĐND ngày 22/12/2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn về Phê chuẩn mức thu và tỷ lệ phần trăm (%) được trích để lại cho đơn vị tổ chức thu đối với một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Xét tờ trình số 235 TT/STC-QLG&TS ngày 09/3/2007 của Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn như biểu lệ phí kèm theo Quyết định này.

- Mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch quy định tại các Biểu kèm theo Quyết định này đã bao gồm cả các chi phí về giấy tờ, biểu mẫu hộ tịch theo quy định. Trường hợp người

yêu cầu cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch qua đường Bưu điện, thì mức thu lệ phí hộ tịch chưa bao gồm cước phí bưu điện.

Điều 2. Đối tượng nộp lệ phí đăng ký hộ tịch

1. Đối tượng nộp lệ phí đăng ký hộ tịch là người được Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Tư pháp; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn giải quyết các công việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch.

2. Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch:

a) Miễn lệ phí đăng ký kết hôn, đăng ký nuôi con nuôi cho người đăng ký kết hôn, đăng ký nuôi con nuôi cư trú tại các xã thuộc khu vực III và các thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực II (việc xác định thôn, bản đặc biệt khó khăn và xã thuộc khu vực II, III theo Quyết định công nhận của Ủy ban Dân tộc).

Trường hợp đăng ký kết hôn mà một trong hai bên nam, nữ thuộc đối tượng miễn lệ phí đăng ký kết hôn thì cũng được miễn lệ phí đăng ký kết hôn.

b) Miễn lệ phí đăng ký khai sinh cho trẻ em của hộ nghèo (chuẩn nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ áp dụng trong từng thời kỳ).

Việc miễn lệ phí đăng ký hộ tịch tại khoản 2 Điều này chỉ áp dụng đối với các việc đăng ký hộ tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân xã.

Điều 3. Đơn vị thu lệ phí đăng ký hộ tịch là Sở Tư pháp (đối với việc thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tư pháp), Phòng Tư pháp (đối với việc thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố) và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

Điều 4. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký hộ tịch

Lệ phí đăng ký hộ tịch là khoản thu thuộc ngân sách Nhà nước, được quản lý, sử dụng như sau:

1. Cơ quan thu lệ phí đăng ký hộ tịch có trách nhiệm đăng ký, kê khai, thu, nộp, quyết toán lệ phí đăng ký hộ tịch theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Pháp lệnh phí và lệ phí.

Khi thu lệ phí, cơ quan thu lệ phí phải lập và giao biên lai thu cho đối tượng nộp lệ phí theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về phát hành, quản lý, sử dụng ấn chỉ thuế.

2. Cơ quan thu lệ phí đăng ký hộ tịch được trích 50% (năm mươi phần trăm) số lệ phí thực thu được để chi cho công tác tổ chức thu lệ phí theo các nội dung chi quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 57/2002/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo khoản 5 Điều 1 Nghị định số 24/2006/NĐ-CP).

Tổng số lệ phí thực thu được sau khi trừ số lệ phí được trích để lại, số còn lại 50% (năm mươi phần trăm) cơ quan thu lệ phí phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

Điều 5. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Cục Thuế tỉnh và các ngành chức năng có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện thu lệ phí theo các quy định hiện hành.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quyết định đều bãi bỏ.

Điều 7. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; người đăng ký hộ tịch chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phùng Thanh Kiểm

Mức thu lệ Phí hộ tịch áp dụng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

(Kèm theo Quyết định số 12 /2007/QĐ-UBND ngày 15 /3/2007
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

+ Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn:

Số TT	Nội dung thu lệ phí	Mức thu
1	Đăng ký khai sinh	
	- Đăng ký khai sinh	4.000 đồng/trường hợp
	- Đăng ký khai sinh quá hạn	5.000 đồng/trường hợp
	- Đăng ký lại việc sinh	5.000 đồng/trường hợp
2	Đăng ký kết hôn	
	- Đăng ký kết hôn	15.000 đồng/trường hợp
	- Đăng ký lại việc kết hôn	20.000 đồng/trường hợp
3	Đăng ký khai tử	
	- Đăng ký khai tử	4.000 đồng/trường hợp
	- Đăng ký khai tử quá hạn	5.000 đồng/trường hợp
	- Đăng ký lại việc tử	5.000 đồng/trường hợp
4	Đăng ký việc nuôi con nuôi	
	- Đăng ký việc nuôi con nuôi	15.000 đồng/trường hợp
	- Đăng ký lại việc nuôi con nuôi	20.000 đồng/trường hợp
5	Đăng ký việc nhận cha, mẹ, con	10.000 đồng/trường hợp
6	Đăng ký việc giám hộ	
	- Đăng ký việc giám hộ	5.000 đồng/trường hợp
	- Đăng ký chấm dứt, thay đổi việc giám hộ	5.000 đồng/trường hợp
7	Đăng ký việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho người dưới 14 tuổi, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch	10.000 đồng/trường hợp
8	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	3.000 đồng/trường hợp
9	Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch	2.000 đồng/trường hợp

+ Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

Số TT	Nội dung thu lệ phí	Mức thu
-------	---------------------	---------

1	Cấp lại bản chính giấy khai sinh	10.000 đồng/trường hợp
2	Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch	3.000 đồng/01 bản sao
3	Đăng ký việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên; xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính; bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch	25.000 đồng/trường hợp

+ Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại Sở Tư pháp, Ủy ban nhân tỉnh:

Số TT	Nội dung thu lệ phí	Mức thu
1	Đăng ký khai sinh	
	- Đăng ký khai sinh	40.000 đồng/trường hợp
	- Đăng ký lại việc sinh	50.000 đồng/trường hợp
2	Đăng ký kết hôn	
	- Đăng ký kết hôn	1.000.000 đồng/trường hợp
	- Đăng ký lại việc kết hôn	1.000.000 đồng/trường hợp
3	Đăng ký khai tử	
	- Đăng ký khai tử	40.000 đồng/trường hợp
	- Đăng ký lại việc tử	50.000 đồng/trường hợp
4	Đăng ký việc nuôi con nuôi	
	- Đăng ký việc nuôi con nuôi	2.000.000 đồng/trường hợp
	- Đăng ký lại việc nuôi con nuôi	2.000.000 đồng/trường hợp
5	Đăng ký việc nhận cha, mẹ, con	1.000.000 đồng/trường hợp
6	Đăng ký việc giám hộ	
	- Đăng ký việc giám hộ	50.000 đồng/trường hợp
	- Đăng ký chấm dứt, thay đổi việc giám hộ	50.000 đồng/trường hợp
7	Đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính; bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch	50.000 đồng/trường hợp
8	Ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	50.000 đồng/trường hợp
9	Cấp lại bản chính giấy khai sinh	50.000 đồng/trường hợp
10	Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch	5.000 đồng/01 bản sao
11	Xác nhận các giấy tờ hộ tịch	10.000 đồng/trường hợp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN